TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 04 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81,82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vũ Hữu V, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn 2, xã Sa S, huyện Sa T, tỉnh Kon Tum.

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn 2, xã Hà M, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hữu V và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn hợp pháp, hai đương sự trình bày chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn. Xét thấy cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Vũ Phú Q, sinh ngày 07/4/2019 và thảo thuận. Giao cháu Vũ Phú Q cho anh Vũ Hữu V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Việc thỏa thuận nuôi con là các đương sự tự thỏa thuận với nhau vì vậy xét thấy cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu, chị Đ thỏa thuận nhận chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hữu V và chị Nguyễn Thị Đ thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Phú Q, sinh ngày 07/4/2019 cho anh Vũ Hữu V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là **300.000đ** *(Ba trăm ngàn đồng)* các đương sự phải chịu. Chị Nguyễn Thị Đ thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà chị Đ đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001619 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Hà Mòn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Phạm Thị Nga